

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 61/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 26-12-2023

V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trần Minh Châu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Phúc.

2. Ông Phan Ngọc Thành.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Đức, là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 26 tháng 12 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 332/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2023, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 41/2023/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Đỗ Văn T, sinh năm: 1982. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

2. **Bị đơn:** Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm: 1976. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 09/8/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn anh Đỗ Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Anh T và chị Nguyễn Thị Thùy L tự tìm hiểu và kết hôn năm 1999, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp (theo giấy chứng nhận kết hôn số: 93 ngày 06/9/2004), thời gian đầu sống rất hạnh phúc có ba con chung tên Đỗ Vũ L, sinh ngày 27/02/2000, Đỗ Văn D, sinh ngày 16/4/2003 và Đỗ Tiểu M, sinh ngày 13/8/2004. Đến tháng 8/2022 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do chị L không lo làm ăn, tham gia

cờ bạc mắc nhiều khoản nợ, vợ chồng luôn cự cãi, nhận thức trong cuộc sống luôn khác nhau, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được không thể kéo dài cuộc sống vợ chồng, nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 8/2022 cho đến nay. Sau khi ly thân vợ chồng không có hàn gắn lại với nhau. Nay anh T yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thùy L.

Về nuôi con: Có ba con chung tên Đỗ Vũ L, sinh ngày 27/02/2000, Đỗ Văn D, sinh ngày 16/4/2003 và Đỗ Tiểu M, sinh ngày 13/8/2004 hiện nay đã trưởng thành.

Về chia tài sản: Tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo bản tự khai ngày 02/10/2023, bị đơn chị Nguyễn Thị Thùy L trình bày:

Về hôn nhân: Chị L và anh Đỗ Văn T tự tìm hiểu và kết hôn với nhau vào năm 1999 và vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp theo quy định. Trong quá trình chung sống chị L và anh T có sinh được ba con chung tên Đỗ Vũ L, sinh ngày 27/02/2000, Đỗ Văn D, sinh ngày 16/4/2003 và Đỗ Tiểu M, sinh ngày 13/8/2004. Nay chị L không đồng ý ly hôn với anh Đỗ Văn T do còn thương chồng thương con.

Về nuôi con: Có 03 con chung tên Đỗ Vũ L, sinh ngày 27/02/2000, Đỗ Văn D, sinh ngày 16/4/2003 và Đỗ Tiểu M, sinh ngày 13/8/2004 hiện nay đã trưởng thành.

Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Tòa án đã tổng đạt Thông báo về việc yêu cầu đương sự có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn theo quy định nhưng chị L không đến Tòa án trình bày và cũng không có văn bản ý kiến gửi Tòa án và cũng không có mặt tại các lần mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Anh Đỗ Văn T yêu cầu xin ly hôn với chị Nguyễn Thị Thùy L nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp về việc “Ly hôn”. Đây là vụ án hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Thùy L hiện cư trú tại địa chỉ Ấp 3, xã An Hòa, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông.

Tại phiên tòa, bị đơn chị Nguyễn Thị Thùy L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đúng theo quy định, nhưng vẫn vắng mặt lần hai không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị Thùy L là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2, Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Hôn nhân giữa anh T và chị L là hoàn toàn tự nguyện và anh, chị có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, trong quá trình chung sống anh, chị sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do chị L không lo làm ăn, tham gia cờ bạc mắc nhiều khoản nợ, vợ chồng luôn cự cãi, từ đó anh T và chị L đã ly thân từ tháng 8/2022 cho đến nay, từ khi ly thân đến nay anh, chị không gặp nhau để tìm ra phương cách hàn gắn tình cảm lại với nhau dẫn đến anh T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án có tiến hành hòa giải để động viên cho anh, chị hàn gắn lại với nhau nhưng chị L không có mặt theo thông báo của Tòa án và anh T vẫn cương quyết ly hôn với chị L. Xét thấy, đời sống chung của anh T và chị L không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T đối với chị L là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về nuôi con: Anh T và chị L trình bày trong thời gian chung sống anh, chị có 03 người con tên Đỗ Vũ L, sinh ngày 27/02/2000, Đỗ Văn D, sinh ngày 16/4/2003 và Đỗ Tiểu M, sinh ngày 13/8/2004 hiện nay đã trưởng thành, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về chia tài sản: Trong quá trình thu thập chứng cứ, tại bản tự khai ngày 02/10/2023 và tại phiên tòa anh T trình bày: Tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết. Tại bản tự khai ngày 02/10/2023 của chị L cũng không có ý kiến đối với việc chia tài sản (tài sản chung và nợ chung). Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết đối với tài sản chung và nợ chung của anh T và chị L trong vụ án này, là phù hợp và có căn cứ chấp nhận. Nếu sau này giữa anh T và chị L có phát sinh tranh chấp về chia tài sản thì giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Về án phí: Nguyên đơn anh Đỗ Văn T phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2, Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Đỗ Văn T đối với chị Nguyễn Thị Thùy L (theo giấy chứng nhận kết hôn số: 93, ngày 06 tháng 9 năm 2004, của Ủy ban nhân dân xã A, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp).

2. Về án phí sơ thẩm:

2.1. Anh Đỗ Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số: 0001368 ngày 02 tháng 10 năm 2023, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Tháp, anh Đỗ Văn T đã nộp đủ.

2.2. Chị Nguyễn Thị Thùy L không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, người yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tam Nông;
- Chi cục THADS huyện Tam Nông;
- UBND xã A, huyện Tam Nông;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Trần Minh Châu